TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐĂKLĂK
Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 01 tháng 8 năm 2022.
V/v:*"Tranh chấp Ly hôn, nuôi con Và phân chia tài sản chung".*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Đưng Knul, bà H Bon Du.
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và phân chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-DS ngày 07/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị Kim C, sinh năm: 1993
Trú tại: Thôn 06, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)
- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm: 1987
Trú tại: Thôn 06, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2022, bản tự khai và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Cao Thị Kim C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc V đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, ngày 23/8/2010 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc, đôi lúc có cãi nhau nhưng không trầm trọng, đến khoảng năm 2017 đến nay thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau. Nguyên nhân là do chồng hay lăng nhăn ngoại tình bên ngoài dẫn đến bất hòa, thậm chí xúc phạm nhau, bất đồng quan điểm, gia đình con cái cuộc sống đảo lộn.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh V.

Về nuôi con chung: Chị và anh V có 03 con chung gồm: Cháu Nguyễn Thị Kim Ng – Sinh ngày 05/01/2012, cháu Nguyễn Tuấn V – Sinh ngày 06/12/2014 và cháu Nguyễn Tiến Ph – Sinh ngày 16/12/2019.

Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim Ng và cháu Nguyễn Tiến Ph đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Nay anh V có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Thị Kim Ng và cháu Nguyễn Tuấn V thì chị đồng ý giao cho anh V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung gồm có: Thửa đất số 570, tờ bản đồ số 02, diện tích 245m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở và 145m^2 đất trồng cây lâu năm) được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSD đất số BB 225748 ngày 01/9/2021. Địa chỉ thửa đất: Thôn 06, xã C, huyện B, trên đất có 01 nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 100m^2, xây dựng năm 2014 và trang thiết bị nội thất trong nhà, tổng trị giá khoảng 300.000.000 đồng.

Thửa đất số 571, tờ bản đồ số 02, diện tích 247m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở và 147m^2 đất trồng cây lâu năm) được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSD đất số CM 258416 ngày 06/4/2018. Địa chỉ thửa đất: Thôn 06, xã C, huyện B, trên đất có 01 nhà xưởng, khung sắt, lợp tôn, diện tích khoảng 100m^2, xây dựng năm 2018, tổng trị giá khoảng 100.000.000 đồng.

Chị C yêu cầu Tòa án giải quyết chia mỗi người ½ giá trị tài sản theo quy định của pháp luật. Nhưng hiện nay chị và anh V đã thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung, ngày 28/7/2022 chị C có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 19/4/2022 anh Nguyễn Quốc V trình bày: Anh và chị C đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, ngày 23/8/2010 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống đôi lúc có cãi nhau nhưng không trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp dẫn đến bất hòa, bất đồng quan điểm.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh và chị C có 03 con chung gồm: Cháu Nguyễn Thị Kim Ng – Sinh ngày 05/01/2012, cháu Nguyễn Tuấn V – Sinh ngày 06/12/2014 và cháu Nguyễn Tiến Ph – Sinh ngày 16/12/2019.

Sau khi ly hôn anh V có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim Ng và cháu Nguyễn Tuấn V đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao cháu Nguyễn Tiến Ph cho chị C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung gồm có: Thửa đất số 570, tờ bản đồ số 02, diện tích 245m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở và 145m^2 đất trồng cây lâu năm) được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSD đất số BB 225748 ngày 01/9/2021. Địa chỉ thửa đất: Thôn 06, xã C, huyện B, trên đất có 01 nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 100m^2, xây dựng năm 2014 và trang thiết bị nội thất trong nhà, tổng trị giá khoảng 300.000.000 đồng.

Thửa đất số 571, tờ bản đồ số 02, diện tích 247m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở và 147m^2 đất trồng cây lâu năm) được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSD đất số CM 258416 ngày 06/4/2018. Địa chỉ thửa đất: Thôn 06, xã C, huyện B, trên đất có 01 nhà xưởng, khung sắt, lợp tôn, diện tích khoảng 100m^2, xây dựng năm 2018, tổng trị giá

khoảng 100.000.000 đồng.

Anh V đề nghị tặng cho 02 con là Nguyễn Tuấn V và Nguyễn Tiến Ph toàn bộ tài sản nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh V. Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Cao Thị Kim C và anh Nguyễn Quốc V tại Ban tự quản và Hội phụ nữ. Qua xác minh tại địa phương thì được biết chị C và anh V cũng có mâu thuẫn cải nhau, chị C đã về sống với bố mẹ đẻ và hai người đã sống ly thân. Tòa án huyện Buôn Đôn đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, phân tích các quy định của pháp luật nhưng chị C vẫn nhất quyết xin được ly hôn với anh V, còn anh V thì không đến Tòa án để làm việc. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng Dân sự, đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phần tranh luận nguyên đơn chị Cao Thị Kim C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V, chị C đề nghị nuôi cháu Nguyễn Tiến Ph – Sinh ngày 16/12/2019. Giao cháu Nguyễn Thị Kim Ng – Sinh ngày 05/01/2012 và cháu Nguyễn Tuấn V – Sinh ngày 06/12/2014 cho anh V nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị C đề nghị rút yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, giao thông báo thụ lý vụ án, giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Ra quyết định xét xử, tống đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân & Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị Kim C. Xử cho chị Cao Thị Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến Ph – Sinh ngày 16/12/2019 cho chị C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Giao cháu Nguyễn Thị Kim Ng – Sinh ngày 05/01/2012 và Nguyễn Tuấn V – Sinh ngày 06/12/2014 cho anh V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu phân chia tài sản đã rút.

Về án phí sơ thẩm: Chị Cao Thị Kim C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Cao Thị Kim C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Quốc V thì đây là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và phân chia tài sản chung" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Quốc V vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy chị Cao Thị Kim C và anh Nguyễn Quốc V có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk ngày 23/8/2010 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm chia sẻ. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Cao Thị Kim C và anh Nguyễn Quốc V sinh sống thì được biết chị C và anh V có mâu thuẫn cãi nhau, chị C đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị Cúc nhất quyết đòi ly hôn với anh V. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ kéo dài hôn nhân của các bên cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân & Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, xử cho chị Cao Thị Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét thấy anh Nguyễn Quốc V đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Thị Kim Ng và cháu Nguyễn Tuấn V, hơn nữa cháu Ng có nguyện vọng được sống với bố và chị C cũng đồng ý giao cháu Ng và cháu V cho anh V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, còn chị C đề nghị nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến Ph – Sinh ngày 16/12/2019 đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân & Gia đình, giao cháu Nguyễn Tiến Ph – Sinh ngày 16/12/2019 cho chị Cao Thị Kim C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Nguyễn Thị Kim Ng

– Sinh ngày 05/01/2012 và cháu Nguyễn Tuấn V – Sinh ngày 06/12/2014 cho anh V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị C và anh V thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Xét thấy chị Cao Thị Kim C và anh Nguyễn Quốc V đã thỏa thuận phân chia tài sản chung, ngày 28/7/2022 chị C có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu mà chị C đã rút.

[7] Về tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Xét thấy chị Cao Thị Kim C đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng và đã chi hết số tiền này, tại phiên tòa hôm nay chị C thỏa thuận nhận nộp toàn bộ số tiền trên và không yêu cầu gì thêm nên cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân & Gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị Kim Cúc.

- *Về quan hệ hôn nhân***:** Chị Cao Thị Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

- *Về nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Tiến Ph – Sinh ngày 16/12/2019 cho chị Cao Thị Kim C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao cháu Nguyễn Thị Kim Ng – Sinh ngày 05/01/2012 và cháu Nguyễn Tuấn V – Sinh ngày 06/12/2014 cho anh Nguyễn Quốc V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị C và anh V thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về nợ chung*: Không có nên không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu phân chia tài sản chung mà chị Cao Thị Kim C đã rút.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Cao Thị Kim C thỏa thuận nộp 3.000.000đồng (ba triệu đồng) nên không đề cập giải quyết.

- *Về án phí sơ thẩm:* Chị Cao Thị Kim C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 5.300.000 đồng (năm triệu ba

trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn theo biên lai thu số 0002592 ngày 14/4/2022.

Hoàn trả lại cho chị Cao Thị Kim C 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) còn lại.

- Quyền kháng cáo: Chị Cao Thị Kim C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Tuấn

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- THADS huyện B;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.